

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**NGHỊ ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP về nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao

1. Sửa đổi, bổ sung câu dẫn Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao

Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là nhân lực công nghiệp công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số, thuộc một trong các đối tượng sau đây:”.

2. Sửa đổi, bổ sung câu dẫn khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Là nhân lực công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp, thuộc một trong các trường hợp sau:”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

1. Bổ sung Điều 15a như sau:

“Điều 15a. Khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

1. Khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát là khu vực có ranh giới địa lý hoặc giới hạn kỹ thuật, bao gồm khu vực địa lý, tuyến, hành lang, không gian số hoặc phạm vi vận hành cụ thể, thuộc địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định để tổ chức hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

2. Tổ chức, doanh nghiệp chỉ được triển khai thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này.”.

2. Bổ sung Điều 15b như sau:

“Điều 15b. Phạm vi hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

1. Trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, tổ chức, doanh nghiệp sau khi được cấp phép thử nghiệm được thực hiện các hoạt động phục vụ thử nghiệm có kiểm soát, bao gồm nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện, trình diễn, kiểm chứng, đánh giá và thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

2. Trong một khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, cơ quan có thẩm quyền có thể cấp phép cho nhiều tổ chức, doanh nghiệp cùng thực hiện các hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thuộc một hoặc nhiều lĩnh vực, bao gồm hoạt động thử nghiệm liên ngành, liên lĩnh vực.

3. Khi quyết định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, không bắt buộc phải xác định cụ thể từng sản phẩm, dịch vụ được thử nghiệm. Sản phẩm, dịch vụ và tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm được xác định cụ thể trong Quyết định cấp phép thử nghiệm trước khi triển khai hoạt động thử nghiệm.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Thẩm quyền đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát và xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

a) Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

b) Xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm; phê duyệt, điều chỉnh Phương án tổ chức khu vực;

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức, quản lý, giám sát khu vực thử nghiệm.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Chủ trì xây dựng Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Là cơ quan đầu mối quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động của khu vực;

d) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trong khu vực.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố có thẩm quyền quyết định cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý và thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

4. Bổ sung Điều 16a như sau:

“Điều 16a. Xác định, điều chỉnh và chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

1. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát phải xác định tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết, mục tiêu, địa điểm, ranh giới, phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực thử nghiệm;

b) Lĩnh vực và hoạt động dự kiến thử nghiệm;

c) Các vấn đề pháp lý cần xử lý và cơ chế pháp lý áp dụng đối với hoạt động thử nghiệm, bao gồm quy định được áp dụng, quy định được phép không áp dụng, quy định được áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế trong khu vực thử nghiệm;

d) Các điều kiện chung trong quá trình thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát về bảo vệ môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố;

e) Cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm;

- g) Nguồn lực bảo đảm tổ chức triển khai khu vực thử nghiệm;
- h) Tiêu chí, thứ tự ưu tiên xem xét cấp phép trong trường hợp số lượng hồ sơ đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực.

2. Trên cơ sở Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và phê duyệt Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát kèm theo Quyết định. Quyết định phải xác định tối thiểu các nội dung sau đây:

- a) Tên, địa điểm, ranh giới, phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực thử nghiệm;
- b) Mục tiêu, lĩnh vực và hoạt động được thử nghiệm;
- c) Thời điểm bắt đầu hoạt động;
- d) Các điều kiện chung trong quá trình thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát về bảo vệ môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan;
- đ) Cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý;
- e) Nội dung và hình thức công khai thông tin về khu vực thử nghiệm;
- g) Cơ chế pháp lý áp dụng đối với khu vực thử nghiệm theo quy định tại Điều 22a Nghị định này.

Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát thực hiện theo Mẫu số TNCNS12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phù hợp với điều kiện thực tiễn. Trường hợp việc điều chỉnh ảnh hưởng đến hoạt động thử nghiệm đang thực hiện, Quyết định điều chỉnh phải xác định biện pháp xử lý, chuyển tiếp đối với hoạt động thử nghiệm đó.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trong một trong các trường hợp sau đây:

- a) Khu vực thử nghiệm không còn đáp ứng mục tiêu, phạm vi, điều kiện tổ chức, vận hành, quản lý, giám sát hoặc kiểm soát rủi ro theo Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm đã được phê duyệt;
- b) Không còn khả năng bảo đảm an toàn, quản lý, giám sát hoặc xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thử nghiệm;

c) Việc tiếp tục hoạt động của khu vực thử nghiệm có nguy cơ ảnh hưởng môi trường; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Việc chấm dứt hoạt động là cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do yêu cầu quản lý nhà nước phát sinh mà việc tiếp tục hoạt động của khu vực thử nghiệm không còn phù hợp.

5. Quyết định chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm phải xác định thời điểm chấm dứt và phương án xử lý, chuyển tiếp đối với các hoạt động thử nghiệm đang thực hiện.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hằng năm rà soát sự cần thiết duy trì khu vực thử nghiệm, mức độ đáp ứng mục tiêu, phạm vi, yêu cầu tổ chức, vận hành, quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro theo Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm để quyết định tiếp tục, điều chỉnh hoặc chấm dứt khu vực thử nghiệm.”.

5. Bổ sung Điều 17a như sau:

“Điều 17a. Thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

1. Tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại Điều 15 Nghị định này và phù hợp với phạm vi, lĩnh vực, điều kiện và cơ chế pháp lý đã được xác định đối với khu vực thử nghiệm được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Nghị định này.

2. Trường hợp nội dung thử nghiệm vượt quá phạm vi, điều kiện hoặc cơ chế pháp lý đã được xác định đối với khu vực thử nghiệm thì chỉ được xem xét sau khi khu vực thử nghiệm và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm được điều chỉnh theo Điều 16a Nghị định này.

3. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm trong khu vực có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung được cấp phép và tuân thủ các yêu cầu áp dụng đối với khu vực thử nghiệm.

4. Trường hợp số lượng hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm, việc xem xét cấp phép được thực hiện theo thứ tự ưu tiên căn cứ vào tính đổi mới sáng tạo, sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ đề nghị thử nghiệm với nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trường hợp các hồ sơ có mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm hồ sơ đầy đủ, hợp lệ được tiếp nhận. Tiêu chí và thứ tự ưu tiên được xác định, công khai trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.

5. Việc gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát thực hiện theo quy định tại các Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18

“2. Không gian thử nghiệm

Căn cứ tính chất của sản phẩm, dịch vụ và yêu cầu quản lý rủi ro, cơ quan có thẩm quyền theo Điều 16 Nghị định này quyết định không gian thử nghiệm, bao gồm không gian thực tế, không gian số hoặc kết hợp giữa không gian thực tế và không gian số. Không gian số phải được xác định theo hệ thống thông tin, nền tảng số, dữ liệu, nhóm người sử dụng, đối tượng tương tác hoặc giới hạn kỹ thuật khác phù hợp để bảo đảm khả năng quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm.

Đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, không gian thử nghiệm phải được xác định trong phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Tuân thủ pháp luật dân sự, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật có liên quan, trừ:

a) Các quy định được phép không áp dụng, được phép áp dụng khác ghi trong Quyết định cấp phép thử nghiệm đối với trường hợp thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát;

b) Các quy định được phép không áp dụng, được phép áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, trong phạm vi, thời gian, không gian, đối tượng và điều kiện được xác định.”.

8. Bổ sung Điều 22a như sau:

“Điều 22a. Cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

1. Tổ chức, doanh nghiệp được thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số mà pháp luật chưa có quy định hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành khi sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đó thuộc phạm vi, lĩnh vực thử nghiệm của khu vực thử nghiệm đã được xác định.

2. Các quy định pháp luật được phép không áp dụng, được phép áp dụng hoặc được áp dụng biện pháp quản lý thay thế đối với hoạt động thử nghiệm phải được xác định cụ thể tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.”.

9. Bổ sung khoản 7 Điều 24 như sau:

“7. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát:

a) Hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (ghi rõ trường hợp thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát);

b) Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung liên quan trực tiếp đến sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động thử nghiệm chưa được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm; không yêu cầu cung cấp lại các thông tin, tài liệu đã được xác định tại các văn bản này.”.

10. Bổ sung khoản 8 Điều 25 như sau:

“8. Quy trình cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và bổ sung hồ sơ thực hiện theo các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Việc thẩm định và quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát;

b) Việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định này, Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm đã được phê duyệt.

Các nội dung chung của khu vực thử nghiệm đã được xác định tại Quyết định và Phương án này không phải đánh giá, thẩm định lại; việc thẩm định phải xác định sự phù hợp của từng hồ sơ với các nội dung đó và khả năng tiếp nhận tại thời điểm cấp phép;

c) Nội dung thẩm định tập trung vào việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 17a Nghị định này; các nội dung riêng của sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động thử nghiệm chưa được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm; khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm tại thời điểm xem xét cấp phép;

d) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố xem xét, quyết định

cấp phép thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số cụm từ

Thay thế cụm từ “15 ngày” bằng cụm từ “11 ngày làm việc” tại khoản 3 và khoản 5 Điều 25; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.

12. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục

a) Bổ sung vào Bảng tại Phụ lục những nội dung sau:

Mẫu số TNCNS12	Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát
----------------	--

b) Sửa đổi, bổ sung các Mẫu số TNCNS01, TNCNS02 và bổ sung Mẫu số TNCNS12 tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2027.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị, gia hạn, kết thúc, điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết hồ sơ được tính theo quy định của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.

2. Hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được cấp phép trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được ban hành cho đến khi hết thời hạn thử nghiệm ghi trong Quyết định cấp phép, trừ trường hợp thử nghiệm bị tạm dừng hoặc kết thúc trước thời hạn theo quy định của Nghị định này.

3. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đang thực hiện thử nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều này có nhu cầu chuyển sang thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Điều 17a, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này. Tổ chức, doanh nghiệp chuyển đổi sang thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát phải nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Khi lập Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS01, tổ chức, doanh nghiệp được sử dụng lại các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trước đó.

4. Đối với hoạt động thử nghiệm được chuyển đổi theo khoản 3 Điều này, thời gian thử nghiệm đã thực hiện theo Quyết định cấp phép cũ được tính vào thời gian thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.

5. Quyết định cấp phép thử nghiệm đã được ban hành trước khi chuyển đổi theo khoản 3 Điều này hết hiệu lực kể từ thời điểm Quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát có hiệu lực.

6. Cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo các tiêu chí quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo các tiêu chí đã được áp dụng trong thời gian hưởng chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đơn đốc việc tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b).

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số TNCNS01. Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: ... (1) ...

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ;

Chúng tôi, ... (2) ... trân trọng đề nghị ... (1) ... xem xét, cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại:

Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (3) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày:

Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm (không quá 03 năm): Từ .../.../... đến .../.../...

b) Không gian thử nghiệm:

c) Nội dung hoạt động thử nghiệm:

d) Phạm vi, quy mô và đối tượng thử nghiệm:

đ) Nội dung đề xuất các quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khác khi triển khai thử nghiệm (đối với trường hợp không thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm có kiểm soát):

.....

4. Trường hợp thử nghiệm:

☐ Thử nghiệm từng sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số không thuộc khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

☐ Thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

Trường hợp thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, ghi rõ:

- Tên khu vực;

- Quyết định xác định khu;

- Phạm vi dự kiến thử nghiệm;

- Cơ chế pháp lý áp dụng.

5. Hồ sơ kèm theo (đánh dấu X vào ô tương ứng):

a) Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát:

☐ Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan).

☐ Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan.

☐ Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.

☐ Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm).

☐ Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác).

b) Đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát: không yêu cầu tài liệu kèm theo khi nộp hồ sơ; việc cung cấp thông tin, tài liệu làm rõ thực hiện theo điểm b khoản 7 Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này.

6. Cam kết của tổ chức, doanh nghiệp:

Chúng tôi cam kết:

a) Tuân thủ quy định pháp luật, cơ chế pháp lý áp dụng và nội dung được cấp phép thử nghiệm;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn và các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ; không làm giả, sử dụng giấy tờ giả hoặc kê khai thông tin sai sự thật để chứng minh việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí thử nghiệm;

c) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và cung cấp thông tin khi được yêu cầu.

Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét hồ sơ và cấp phép thử nghiệm theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ... : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này.

... (2) ... : Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép thử nghiệm.

... (3) ... : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS02. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-...

... , ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát
sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số**

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định xác định khu vực thử nghiệm số... (nếu là trường hợp thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát);

Xét Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm... và thông tin, tài liệu bổ sung (nếu có) của ... (1) ... ;

Theo đề nghị của ... (2) ... ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với các nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ số ... được cấp bởi ... ngày... tháng ... năm ...

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại:

Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: ... (4) ...

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày:

Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm (không quá 03 năm): Từ .../.../... đến .../.../...

b) Không gian thử nghiệm:

c) Nội dung hoạt động thử nghiệm:

d) Phạm vi, quy mô và đối tượng thử nghiệm:

4. Trường hợp thử nghiệm:

☐ Thử nghiệm từng sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số không thuộc khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

☐ Thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

Trường hợp thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, ghi rõ:

- Tên khu;

- Cơ chế pháp lý áp dụng.

5. Cơ chế pháp lý áp dụng đối với hoạt động thử nghiệm:

a) Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát: thực hiện theo phương án, kế hoạch thử nghiệm được phê duyệt kèm theo Quyết định này, trong đó xác định cụ thể các quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khác;

b) Đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát: áp dụng cơ chế pháp lý được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát số ... trong phạm vi liên quan đến hoạt động thử nghiệm được cấp phép tại Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thử nghiệm.

Điều 3. ... (2) ..., ... (1) ..., ... (3) ... và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
- ...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ... : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (2) ... : Người đứng đầu đơn vị tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

... (3) ...: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

... (4) ... : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS12. Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ ...
Số: .../QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;
Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Công nghiệp công nghệ số, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số ...
ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ;
Theo đề nghị của.....,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát với các nội dung sau:

1. Tên khu vực thử nghiệm

.....

2. Mục tiêu hoạt động

.....

3. Địa điểm, ranh giới, phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực thử nghiệm

a) Địa điểm:

.....

b) Ranh giới/phạm vi địa lý:

.....

c) Trường hợp có không gian số, giới hạn kỹ thuật của không gian số:

.....

4. Thời điểm bắt đầu hoạt động của khu vực thử nghiệm

Khu vực thử nghiệm bắt đầu hoạt động kể từ ngày .../.../... .

Khu vực thử nghiệm chấm dứt hoạt động theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Lĩnh vực thử nghiệm

.....

6. Phạm vi, quy mô và giới hạn hoạt động thử nghiệm

a) Số lượng hoạt động thử nghiệm tối đa có thể triển khai đồng thời (nếu xác định được):

b) Giới hạn về quy mô, tải, lưu lượng, số lượng người tham gia hoặc giới hạn kỹ thuật khác (nếu có):
.....

7. Các điều kiện chung trong quá trình thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát về bảo vệ môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; Cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố
.....

8. Đầu mối quản lý khu vực thử nghiệm

- Cơ quan/đơn vị đầu mối: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố.....

- Nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm; tiếp nhận thông tin, phản ánh; phối hợp xử lý sự cố và các vấn đề phát sinh; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Thông tin liên hệ:
.....

9. Công khai thông tin về khu vực thử nghiệm

a) Nội dung công khai: ...

b) Hình thức công khai: ...

c) Địa chỉ/nền tảng công khai thông tin: ...

10. Cơ chế pháp lý áp dụng đối với khu vực thử nghiệm

a) Nội dung pháp lý liên quan đến hoạt động thử nghiệm;

b) Quy định được áp dụng;

c) Quy định được phép không áp dụng, được phép áp dụng khác;

d) Biện pháp quản lý thay thế;

đ) Phạm vi, thời gian, không gian, đối tượng và điều kiện áp dụng;

e) Trách nhiệm của cơ quan đầu mối quản lý, giám sát việc áp dụng cơ chế pháp lý trong khu vực thử nghiệm.

Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát được phê duyệt kèm theo và là bộ phận không tách rời của Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức hoạt động trong khu vực thử nghiệm

1. Việc xác định khu vực thử nghiệm không làm phát sinh quyền tự động thực hiện thử nghiệm của tổ chức, doanh nghiệp. Tổ chức, doanh nghiệp chỉ được triển khai thử nghiệm sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung.

2. Mỗi hoạt động thử nghiệm phải được thực hiện đúng sản phẩm, dịch vụ, phạm vi, thời gian, đối tượng và các điều kiện được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

3. Trường hợp số lượng hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm, việc xem xét cấp phép được thực hiện theo thứ tự ưu tiên căn cứ vào mức độ đổi mới sáng tạo của sản phẩm, dịch vụ và khả năng giải quyết nhu cầu, bài toán thực tiễn của địa phương phù hợp với mục tiêu, lĩnh vực của khu vực thử nghiệm. Trường hợp các hồ sơ có mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm hồ sơ đầy đủ, hợp lệ được tiếp nhận.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tổ chức quản lý, giám sát hoạt động của khu vực thử nghiệm; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Quyết định này.
2. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp quản lý, giám sát, bảo đảm an toàn và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của khu vực thử nghiệm.
3. Tổ chức, doanh nghiệp được phép thử nghiệm trong khu vực có trách nhiệm tuân thủ Quyết định này, Quyết định cấp phép thử nghiệm và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)